

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 40

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001184 do Sở Tài chính (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 9 năm 2002, và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ("GCNĐKDN") điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 39/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 11 năm 2005.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là mua bán thực phẩm, dầu nguyên liệu và quản lý các khoản đầu tư vào các công ty con.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Lầu 3, Tháp V5 Sunrise City South, Số 23 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Kim Thành	Chủ tịch	
Ông Trần Lê Nguyên	Phó Chủ tịch	
Bà Vương Bửu Linh	Thành viên	
Bà Vương Ngọc Xiêm	Thành viên	
Ông Trần Quốc Nguyên	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Thuận	Thành viên độc lập	miễn nhiệm ngày 5 tháng 6 năm 2025
Ông Nguyễn Gia Huy Chương	Thành viên độc lập	miễn nhiệm ngày 5 tháng 6 năm 2025
Ông Nguyễn Đức Trí	Thành viên độc lập	miễn nhiệm ngày 5 tháng 6 năm 2025
Ông Nguyễn Quốc Bảo	Thành viên độc lập	bổ nhiệm ngày 5 tháng 6 năm 2025
Ông Lê Cao Thuận	Thành viên độc lập	bổ nhiệm ngày 5 tháng 6 năm 2025

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Chi	Trưởng Ban
Ông Lương Quang Hiến	Thành viên
Bà Lương Mỹ Duyên	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Lê Nguyên	Tổng Giám đốc
Bà Vương Bửu Linh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Vương Ngọc Xiêm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Wang Ching Hua	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Xuân Trâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Nguyên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Tiến Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mã Thanh Danh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Công Hạo	Phó Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Kim Thành.

Ông Trần Lệ Nguyên được Ông Trần Kim Thành ủy quyền để ký báo cáo tài chính riêng kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 theo Giấy Ủy quyền số 20/2026/UQ-KDC ngày 1 tháng 1 năm 2026.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 ("báo cáo tài chính hợp nhất") để ngày 31 tháng 3 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Trần Lệ Nguyên
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026



Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Shape the future
with confidence

Số tham chiếu: 11611908/68599505

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido ("Công ty") được lập ngày 31 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 6 đến trang 40, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám Đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Dương Lê Anthony
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2223-2023-004-1

Nguyễn Minh Thanh
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 5559-2025-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.655.984.948.648	3.304.443.685.242
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	1.282.406.536.900	868.000.487.198
111	1. Tiền		209.406.536.900	827.000.487.198
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.073.000.000.000	41.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		400.195.885	70.400.195.885
121	1. Chứng khoán kinh doanh		401.120.064	401.120.064
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(924.179)	(924.179)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	70.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	1.116.298.408.732	2.060.765.010.136
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		689.189.861.161	781.811.801.517
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		26.076.245.250	215.078.538.223
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		420.000.000.000	225.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác		77.173.920.288	931.886.732.070
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(96.141.617.967)	(93.012.061.674)
140	IV. Hàng tồn kho	7	239.437.500.451	292.955.851.806
141	1. Hàng tồn kho		239.437.500.451	294.316.630.662
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(1.360.778.856)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		17.442.306.680	12.322.140.217
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	9.553.173.719	7.407.509.467
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		7.796.482.254	4.822.701.218
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		92.650.707	91.929.532
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		8.466.959.572.804	7.854.000.386.398
210	I. Khoản phải thu dài hạn	9	7.297.141.783	8.479.145.830
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn		7.297.141.783	8.479.145.830
220	II. Tài sản cố định		386.476.785.071	316.418.749.248
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	378.020.952.722	309.490.975.684
222	Nguyên giá		516.469.531.517	418.207.687.753
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(138.448.578.795)	(108.716.712.069)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	8.455.832.349	6.927.773.564
228	Nguyên giá		44.627.675.193	41.750.175.193
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(36.171.842.844)	(34.822.401.629)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		530.262.720	60.087.174.288
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	530.262.720	60.087.174.288
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	13	7.980.388.579.732	7.384.117.244.522
251	1. Đầu tư vào các công ty con		6.395.635.954.518	6.207.862.779.905
252	2. Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết		2.428.649.080.623	2.005.225.628.835
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(843.896.455.409)	(828.971.164.218)
260	V. Tài sản dài hạn khác		92.266.803.498	84.898.072.510
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	44.882.884.181	50.145.210.946
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29.3	47.383.919.317	34.752.861.564
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		11.122.944.521.452	11.158.444.071.640

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		4.045.807.928.205	4.683.326.502.467
310	I. Nợ ngắn hạn		3.663.151.027.760	3.806.921.246.537
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	684.572.455.276	923.262.812.520
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	30.716.871.456	389.788.049.877
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	95.001.852.909	6.689.885.772
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	227.871.642.456	231.748.997.234
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	18	412.689.048.031	58.699.523.577
320	6. Vay ngắn hạn	20	2.144.217.123.446	2.142.095.548.534
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	68.082.034.186	54.636.429.023
330	II. Nợ dài hạn		382.656.900.445	876.405.255.930
337	1. Phải trả dài hạn khác		6.012.000.000	1.686.414.000
338	2. Vay dài hạn	20	370.500.000.000	867.452.039.985
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	3.12	6.144.900.445	7.266.801.945
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		7.077.136.593.247	6.475.117.569.173
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	7.077.136.593.247	6.475.117.569.173
411	1. Vốn cổ phần		2.898.063.160.000	2.898.063.160.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.898.063.160.000	2.898.063.160.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		2.292.253.519.262	2.292.253.519.262
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		51.162.916.267	51.162.916.267
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		16.135.952.841	16.135.952.841
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.819.521.044.877	1.217.502.020.803
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.192.082.020.803	1.173.983.796.679
421b	- Lợi nhuận thuần năm nay		627.439.024.074	43.518.224.124
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		11.122.944.521.452	11.158.444.071.640

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026



Trần Minh Nguyệt
Người lập



Nguyễn Thị Oanh
Kế toán trưởng



Trần Lệ Nguyên
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	10.410.828.643.879	10.038.773.483.969
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	(194.881.521.978)	(232.556.550.980)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	10.215.947.121.901	9.806.216.932.989
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(9.449.380.266.059)	(8.976.911.032.935)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		766.566.855.842	829.305.900.054
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	1.000.614.888.288	207.222.009.884
22	7. Chi phí tài chính	24	(200.715.640.868)	(130.575.260.443)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(153.191.681.578)	(117.708.260.785)
25	8. Chi phí bán hàng	25	(663.658.368.171)	(656.646.243.906)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(206.701.491.884)	(204.515.416.903)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		696.106.243.207	44.790.988.686
31	11. Thu nhập khác	27	11.610.730.643	4.636.123.704
32	12. Chi phí khác	27	(3.500.233.928)	(2.614.445.520)
40	13. Lợi nhuận khác	27	8.110.496.715	2.021.678.184
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		704.216.739.922	46.812.666.870
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	(89.408.773.601)	-
52	16. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	29.1	12.631.057.753	(3.294.442.746)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		627.439.024.074	43.518.224.124



Trần Minh Nguyệt
Người lập



Nguyễn Thị Oanh
Kế toán trưởng



Trần Lệ Nguyễn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		704.216.739.922	46.812.666.870
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn		32.566.752.145	30.141.683.806
03	Các khoản dự phòng		15.572.167.128	4.042.788.073
04	Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		37.465.082	174.479.136
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(981.954.510.771)	(197.069.368.961)
06	Chi phí phát hành trái phiếu phân bổ và chi phí lãi vay	24	155.739.681.593	120.256.260.781
08	(Lỗ) lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(73.821.704.901)	4.358.509.705
09	Giảm các khoản phải thu		255.558.858.202	346.660.447.103
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		54.879.130.211	(176.695.431.356)
11	Giảm (tăng) các khoản phải trả		(220.795.526.081)	349.035.603.008
12	Giảm chi phí trả trước		293.517.385	6.507.537.603
14	Tiền lãi vay đã trả		(183.061.229.988)	(116.031.493.011)
15	Thuế TNDN đã trả	16	(1.512.209.960)	(35.269.093.354)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.176.296.337)	(570.143.172)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(169.635.461.469)	377.995.936.526
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(37.297.769.932)	(65.785.559.511)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		21.666.667	-
23	Tiền chi gửi ngân hàng có kỳ hạn và mua trái phiếu		(420.000.000.000)	(295.000.000.000)
24	Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn và trái phiếu dài hạn		295.000.000.000	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(241.086.034.827)	(616.832.480.339)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.160.000.000.000	50.000.000.000
27	Tiền thu từ lãi cho vay và cổ tức được chia		324.854.604.927	197.210.137.045
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		1.081.492.466.835	(730.407.902.805)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ tái phát hành cổ phiếu quỹ		-	29.910.000
33	Tiền thu từ đi vay	20	9.361.920.383.761	7.754.329.123.208
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	20	(9.859.298.848.849)	(7.388.110.831.949)
36	Cổ tức đã trả	21.4	(67.969.750)	(440.951.905.530)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(497.446.434.838)	(74.703.704.271)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		414.410.570.528	(427.115.670.550)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	5	868.000.487.198	1.295.109.444.030
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(4.520.826)	6.713.718
70	Tiền cuối năm	5	1.282.406.536.900	868.000.487.198

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026



Trần Minh Nguyệt
Người lập

Nguyễn Thị Oanh
Kế toán trưởng

Trần Lệ Nguyên
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103001184 do Sở Tài chính (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 9 năm 2002, và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 39/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 11 năm 2005.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là mua bán thực phẩm, dầu nguyên liệu và quản lý các khoản đầu tư vào công ty con.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Lầu 3, Tháp V5 Sunrise City South, Số 23 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 1.993 (31 tháng 12 năm 2024 là: 2.032).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 13.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (“báo cáo tài chính hợp nhất”) để ngày 31 tháng 3 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.2 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

2.6 Chế độ kế toán đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp được Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính và sẽ thực hiện áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa và công cụ, dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Giá gốc thành phẩm, bán thành phẩm, hàng hóa áp dụng theo phương pháp bình quân gia quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
và ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với vật tư và hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm và nâng cấp tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm và nâng cấp tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 - 20 năm

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong năm trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền đã trả để nhận chuyển nhượng quyền thuê đất theo hợp đồng thuê đất số 29/HĐTĐ-02 ngày 5 tháng 2 năm 2002 giữa bên chuyển nhượng và Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh đối với lô đất tại khu Công nghiệp Tân Thới Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh còn thời hạn đến ngày 5 tháng 12 năm 2048. Khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm có ảnh hưởng đáng kể được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào liên doanh

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh mà trong đó Công ty có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên doanh sau ngày Công ty có quyền đồng kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm có quyền đồng kiểm soát được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Trích lập trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên tại Công ty. Mức trích lập được tính bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc theo Luật lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

3.13 Trái phiếu phát hành

Trái phiếu thường

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.15 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, tái phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán riêng cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên và được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần, hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG NĂM

4.1 Tranh chấp nhãn hiệu với Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông lạnh KIDO (“KDF”)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 13 tháng 1 năm 2025, Công ty đã nộp các đơn khởi kiện KDF và Công ty Cổ phần Truyền thông Đất Việt (“Datviet”) lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (“TAND HCM”) buộc KDF và Datviet chấm dứt việc sử dụng các nhãn hiệu kem được bảo hộ của Công ty và bồi thường thiệt hại tạm tính với giá trị là 50.000.000.000 VND. Các nhãn hiệu này trước đây đã được chuyển nhượng miễn phí từ KDF cho Công ty theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 02/2022/KDF-KIDO/HĐCN ngày 30 tháng 6 năm 2022 và các giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu sửa đổi cho 34 nhãn hiệu theo Quyết định số 126465/QĐ-SHTT.IP được cấp bởi Cục Sở hữu Trí tuệ ngày 28 tháng 12 năm 2023. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, KDF cũng đã có đơn khiếu nại Quyết định 126465/QĐ-SHTT.IP nói trên.

Vào ngày 17 tháng 1 năm 2025, TAND HCM đã ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 11/2025/QĐ-BPKCTT, theo đó, cấm và buộc thực hiện hành vi nhất định đối với KDF và Datviet liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu trên.

Vào ngày 25 tháng 1 năm 2025, TAND HCM đã ban hành Quyết định số 16/2025/QĐ-BPBD, buộc KDF phải gửi tài sản đảm bảo có giá trị là 50.000.000.000 VND vào một tài khoản phong tỏa của KDF nhằm đảm bảo thi hành nghĩa vụ nếu có đối với Công ty. Vào ngày 3 tháng 2 năm 2025, KDF đã nộp số tiền nói trên. Theo đó, vào ngày 4 tháng 2 năm 2025, Tòa án nhân dân cấp cao Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định số 50/2025/QĐ-TATP hủy biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định số 11/2025/QĐ-BPKCTT ngày 17 tháng 1 năm 2025.

Vào ngày 25 tháng 7 năm 2025, Cục Sở hữu Trí tuệ đã ban hành Quyết định số 150133/QĐ-SHTT.IP về việc giải quyết khiếu nại nói trên của KDF về Quyết định số 126465/QĐ-SHTT.IP của Cục Sở hữu Trí tuệ, và Quyết định này được đăng tải trên Công báo số 449, tháng 8.2025, Tập B - Quyển 3 - Phần IV - Từ trang 7531 đến trang 7545. Theo đó, Cục Sở hữu Trí tuệ đã hủy bỏ Quyết định số 126465/QĐ-SHTT.IP ngày 28 tháng 12 năm 2023 và khôi phục quá trình thẩm định lại đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp của Công ty đối với 34 nhãn hiệu nói trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG NĂM (tiếp theo)

4.1 Tranh chấp nhãn hiệu với KDF (tiếp theo)

Vào ngày 12 tháng 12 năm 2025, theo Nghị quyết Đại hội Đồng Cổ đông bất thường của Công ty, Đại hội đồng Cổ đông đã chấp nhận việc thông qua giao dịch bán 24,03% cổ phần KDF cho Công ty TNHH Đầu tư Nuti ("Nuti Invest") đã được Hội đồng Quản trị của Công ty chấp thuận trong năm 2023, hủy bỏ các hợp đồng số 01/2022/KDF-KIDO/HĐCN và số 02/2022/KDF-KIDO/HĐCN cùng ký ngày 30 tháng 6 năm 2022 với KDF về việc chuyển nhượng các thương hiệu và nhãn hiệu nói trên. Đồng thời, cổ đông của Công ty cũng đã thống nhất thông qua việc chuyển nhượng 49% vốn cổ phần còn lại của KDF thuộc quyền sở hữu của Công ty cho Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Nutifood ("Nutifood") hoặc đối tác do Nutifood chỉ định.

4.2 Chuyển nhượng cổ phần KDF

Vào ngày 15 tháng 12 năm 2025, Hội đồng quản trị của Công ty đã đồng ý chuyển nhượng 49% vốn cổ phần còn lại của KDF thuộc quyền sở hữu của Công ty cho Nuti Invest theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số KDC11.1/2025/NQ-HĐQT.

Tại ngày 25 tháng 12 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng đợt 1 với số cổ phần chuyển nhượng là 14.535.360 cổ phần, tương ứng 19,6% vốn cổ phần tại KDF theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số KDC11.1/2025/NQ-HĐQT nói trên và hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ký ngày 16 tháng 12 năm 2025 giữa Công ty và Nuti Invest. Theo đó, số tiền lãi 679.309.748.466 VND từ việc chuyển nhượng này được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (Thuyết minh số 22.2).

4.3 Chuyển nhượng Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Dabaco ("Dabaco Food")

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 11.500.000 cổ phần, tương ứng 50% vốn điều lệ tại Dabaco Food theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số KDC05A/2025/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 6 năm 2025. Theo đó, số tiền lãi 44.000.000.000 VND từ việc chuyển nhượng này được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (Thuyết minh số 22.2).

4.4 Mua Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Bắc Bình ("Bắc Bình")

Vào ngày 31 tháng 7 năm 2025, Công ty đã hoàn tất mua 11.134.918 cổ phần, tương đương 40,05% vốn cổ phần tại Bắc Bình với giá mua là 878.789.500.000 VND theo các hợp đồng chuyển nhượng số 01-HA/2025/BB-KDC, 01-QA/2025/BB-KDC và 01-HA/2024/HV-KDC ngày 28 tháng 7 năm 2025 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số KDC/06/2025/NQ-HĐQT ngày 22 tháng 7 năm 2025. Theo đó, Bắc Bình đã trở thành công ty liên kết của Công ty.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	463.046.061	399.346.800
Tiền gửi ngân hàng	208.943.490.839	826.601.140.398
Các khoản tương đương tiền	1.073.000.000.000	41.000.000.000
TỔNG CỘNG	1.282.406.536.900	868.000.487.198

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất từ 0,5% đến 4,75% một năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	689.189.861.161	781.811.801.517
<i>Trong đó:</i>		
- Các bên liên quan (Thuyết minh - "TM" số 30)	476.792.157.714	573.926.101.208
- Phải thu từ khách hàng khác	212.397.703.447	207.885.700.309
Trả trước cho người bán ngắn hạn	26.076.245.250	215.078.538.223
<i>Trong đó:</i>		
- Công ty TNHH Giải Pháp Hậu Cần HTL	4.106.710.938	-
- Công Ty TNHH TM DV VT Tân An Phát	3.531.322.807	-
- Công ty TNHH Truyền thông Nhà & Đất	-	116.352.734.726
- Khác	18.438.211.505	98.725.803.497
Phải thu về cho vay ngắn hạn khác	420.000.000.000	225.000.000.000
<i>Trong đó:</i>		
- Công ty TNHH MTV Thực Phẩm Nhật Vinh (i)	320.000.000.000	-
- Công ty Cổ Phần Đầu Tư Thương Mại Và Xây Dựng TVH (i)	100.000.000.000	-
- Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Châu Á Châu	-	225.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	77.173.920.288	931.886.732.070
<i>Trong đó:</i>		
- Tạm ứng để đầu tư	-	878.703.465.173
- Các khoản khác	77.173.920.288	53.183.266.897
<i>Trong đó:</i>		
- Các bên liên quan (TM số 30)	192.500.000	6.539.269.548
- Các bên khác	76.981.420.288	925.347.462.522
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(96.141.617.967)	(93.012.061.674)
GIÁ TRỊ THUẬN	1.116.298.408.732	2.060.765.010.136

(i) Đây là các khoản cho vay được đảm bảo với kỳ hạn 6 tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất thị trường từ 6% đến 7% một năm.

Chi tiết tình hình tăng dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	93.012.061.674	91.456.727.345
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	3.129.556.293	1.555.334.329
Số cuối năm	96.141.617.967	93.012.061.674

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng đang đi trên đường	125.048.907.844	127.522.643.441
Hàng hóa	87.308.508.221	143.266.994.029
Nguyên vật liệu	18.664.381.883	15.295.235.285
Công cụ, dụng cụ	6.869.686.708	7.106.571.749
Thành phẩm	1.546.015.795	1.125.186.158
TỔNG CỘNG	239.437.500.451	294.316.630.662
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(1.360.778.856)
GIÁ TRỊ THUẬN	239.437.500.451	292.955.851.806

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	9.553.173.719	7.407.509.467
Thuê văn phòng	5.045.594.435	2.366.704.940
Chi phí sửa chữa bảo trì	1.925.355.416	998.878.611
Phí bảo hiểm	1.344.502.198	866.276.969
Công cụ, dụng cụ	933.347.148	980.441.685
Chi phí khác	304.374.522	2.195.207.262
Dài hạn	44.882.884.181	50.145.210.946
Tiền thuê đất trả trước	33.735.874.118	35.207.984.989
Chi phí sửa chữa bảo trì	4.803.314.321	7.315.247.016
Công cụ, dụng cụ	4.631.996.072	7.427.716.803
Chi phí khác	1.711.699.670	194.262.138
TỔNG CỘNG	54.436.057.900	57.552.720.413

9. KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước tiền thuê văn phòng cho Công ty TNHH Hoàng Triều	7.297.141.783	8.479.145.830

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá					VND
Số đầu năm	168.651.045.112	140.209.856.929	91.349.018.039	17.997.767.673	418.207.687.753
Mua mới trong năm	365.106.856	5.612.765.018	-	962.066.500	6.939.938.374
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	58.479.466.001	28.533.533.219	-	4.343.906.170	91.356.905.390
Thanh lý, nhượng bán	-	(35.000.000)	-	-	(35.000.000)
Số cuối năm	227.495.617.969	174.321.155.166	91.349.018.039	23.303.740.343	516.469.531.517
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết	522.808.000	399.304.299	26.522.381.637	11.367.965.674	38.812.459.610
Giá trị khấu hao lũy kế					
Số đầu năm	15.397.946.479	29.535.476.770	51.227.445.952	12.555.842.868	108.716.712.069
Khấu hao trong năm	7.471.741.131	13.626.574.568	7.141.390.780	1.505.493.580	29.745.200.059
Thanh lý, nhượng bán	-	(13.333.333)	-	-	(13.333.333)
Số cuối năm	22.869.687.610	43.148.718.005	58.368.836.732	14.061.336.448	138.448.578.795
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	153.253.098.633	110.674.380.159	40.121.572.087	5.441.924.805	309.490.975.684
Số cuối năm	204.625.930.359	131.172.437.161	32.980.181.307	9.242.403.895	378.020.952.722

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND
	<i>Phần mềm máy tính</i>
Nguyên giá	
Số đầu năm	41.750.175.193
Mua mới trong năm	<u>2.877.500.000</u>
Số cuối năm	<u>44.627.675.193</u>
<i>Trong đó:</i>	
<i>Đã hao mòn hết</i>	20.210.304.388
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số đầu năm	34.822.401.629
Hao mòn trong năm	<u>1.349.441.215</u>
Số cuối năm	<u>36.171.842.844</u>
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	<u>6.927.773.564</u>
Số cuối năm	<u>8.455.832.349</u>

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỜ DANG

Số dư cuối kỳ chủ yếu bao gồm máy móc và thiết bị chưa hoàn tất để đưa vào sử dụng tại Nhà máy thuộc phường Tân Thới Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh.

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đầu tư vào các công ty con (TM số 13.1)	6.395.635.954.518	6.207.862.779.905
Đầu tư vào các công ty liên kết và liên doanh đồng kiểm soát (TM số 13.2)	<u>2.428.649.080.623</u>	<u>2.005.225.628.835</u>
TỔNG CỘNG	8.824.285.035.141	8.213.088.408.740
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	<u>(843.896.455.409)</u>	<u>(828.971.164.218)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	7.980.388.579.732	7.384.117.244.522

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.1 Đầu tư vào các công ty con

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng	Số cuối năm		Số đầu năm		
			Vốn đầu tư VND	%	Vốn đầu tư VND	%	
Tổng Công ty Dầu thực vật Việt Nam ("Vocarimex")	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm chế biến từ dầu thực vật	Đang hoạt động	2.656.886.745.486	87,29	-	2.656.886.745.486	87,29
Công ty Cổ phần Dầu Thực vật Tường An ("Tường An")	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm chế biến từ dầu thực vật và từ các hạt có dầu	Đang hoạt động	1.177.649.209.483	72,39	-	1.177.649.209.483	72,39
Công ty Cổ phần Thọ Phát Quốc Tế ("Thọ Phát") (*)	Bán buôn, sản xuất thực phẩm	Đang hoạt động	1.161.489.688.880	68,00	-	1.161.489.688.880	68,00
Công ty Cổ phần Hùng Vương ("Hùng Vương") (*)	Kinh doanh bất động sản và quyền sử dụng đất	Đang hoạt động	1.077.124.208.869	75,39	-	1.130.351.034.256	75,39
Công ty TNHH Nam Đô Long An ("NDLA")	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm chế biến từ dầu thực vật	Tiền hoạt động	241.400.000.000	100,00	-	400.000.000	100,00
Công ty TNHH Kido - Nhà Bè ("KNB")	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm chế biến từ dầu thực vật	Đang hoạt động	42.086.101.800	51,00	42.086.101.800	42.086.101.800	51,00
Công ty TNHH MTV Thực phẩm Kido ("KIDOFood")	Bán buôn thực phẩm và cung cấp dịch vụ ăn uống khác	Đang tạm ngừng hoạt động	30.000.000.000	100,00	30.000.000.000	30.000.000.000	100,00
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kido ("KTS")	Bán buôn thực phẩm và cung cấp dịch vụ ăn uống khác	Đang hoạt động	9.000.000.000	100,00	-	9.000.000.000	100,00
TỔNG CỘNG			6.395.635.954.518		72.086.101.800	6.207.862.779.905	30.000.000.000

(*) Công ty đã sử dụng 18.199.534 cổ phiếu của Hùng Vương và 39.780.000 cổ phiếu của Thọ Phát để cầm cố cho khoản vay dài hạn tại ngân hàng. Chi tiết về khoản vay này được trình bày tại TM số 20.2.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

13.2 Đầu tư vào các công ty liên kết và công ty liên doanh đồng kiểm soát

Tên công ty liên kết và liên doanh đồng kiểm soát	Số cuối năm		Số đầu năm		Dự phòng	Dự phòng
	Vốn đầu tư	%	VND	VND		
Công ty Cổ phần Đầu tư Lavenue	1.087.500.000.000	50,00	771.810.353.609	1.087.500.000.000	50,00	771.810.353.609
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bắc Bình (TM số 4.4) (**)	860.113.703.322	40,05	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông lạnh Kido (TM số 4.2) (***)	481.035.377.301	29,40	-	801.725.628.835	49,00	-
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Dabaco (TM số 4.3)	-	-	-	116.000.000.000	50,00	25.741.072.310
TỔNG CỘNG	2.428.649.080.623		771.810.353.609	2.005.225.628.835		797.551.425.919

(**) Công ty đã sử dụng 11.134.918 cổ phiếu của Bắc Bình để cầm cố cho các khoản vay ngân hàng của Bắc Bình.

(***) Theo các Hợp đồng Ủy quyền số 01/2025/HĐUQ-KDF và 02/2025/HĐUQ ký ngày 18 tháng 12 năm 2025, Công ty đã ủy quyền toàn bộ quyền cổ đông cho 21.803.040 cổ phần, tương đương 29,4% vốn cổ phần của KDF mà Tập đoàn đang sở hữu cho Công ty TNHH Đầu tư Nuti.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

13.2 Đầu tư vào các công ty liên kết và công ty liên doanh đồng kiểm soát (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Đầu tư Lavenue (“Lavenue”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0310306044 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2010. Hoạt động chính của Lavenue là kinh doanh bất động sản. Lavenue có trụ sở chính được đăng ký tại số 12 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh. Lavenue hiện là chủ đầu tư của Dự án Lavenue Crown (“Dự án”) tọa lạc tại số 8 - 12, Đường Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Kể từ năm 2018, việc thực hiện đầu tư dự án này của Lavenue đã được các cơ quan có thẩm quyền tiến hành thanh tra toàn diện.

Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Bản án sơ thẩm số 400/2020/HS-ST vào ngày 20 tháng 9 năm 2020 và Tòa án Nhân dân cấp cao Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Bản án phúc thẩm số 452/2021/HSPT vào ngày 2 tháng 12 năm 2021 về các vấn đề vi phạm quyết định quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí liên quan đến Dự án Lavenue Crown. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã trích lập dự phòng đầu tư dựa trên giá trị có thể thu hồi được của khoản đầu tư này.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông lạnh Kido (“KDF”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 4103001557 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 4 năm 2003 và các bản sửa đổi sau đó. Hoạt động chính của KDF là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thực phẩm và nước uống như kem, sữa và các sản phẩm từ sữa. KDF có trụ sở chính được đăng ký tại Lô A2-7, Đường N4, Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Xã Tân An Hội, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bắc Bình (“Bắc Bình”) là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam trên cơ sở GCNĐKDN số 0305456774 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 10 năm 2007 và các lần sửa đổi bổ sung tiếp theo. Ngành nghề kinh doanh chính của Bắc Bình là xây dựng các loại công trình. Trụ sở đăng ký của Bắc Bình đặt tại Tầng 7, Tòa nhà Viet Dragon - 141 đường Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan (TM số 30)	415.358.820.284	415.358.820.284	485.512.838.163	485.512.838.163
AAA Oil & Fats Pte., Ltd	119.670.946.587	119.670.946.587	-	-
Apical Vietnam Oils and Fats Pte., Ltd	-	-	270.958.542.643	270.958.542.643
Khác	<u>149.542.688.405</u>	<u>149.542.688.405</u>	<u>166.791.431.714</u>	<u>166.791.431.714</u>
TỔNG CỘNG	<u>684.572.455.276</u>	<u>684.572.455.276</u>	<u>923.262.812.520</u>	<u>923.262.812.520</u>

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan trả tiền trước (TM số 30)	-	360.000.000.000
Bên khác trả tiền trước	<u>30.716.871.456</u>	<u>29.788.049.877</u>
TỔNG CỘNG	<u>30.716.871.456</u>	<u>389.788.049.877</u>

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	89.408.773.601	(1.512.209.960)	87.896.563.641
Thuế thu nhập cá nhân	6.689.885.772	43.070.094.756	(42.654.691.260)	7.105.289.268
Thuế giá trị gia tăng	-	55.802.460.653	(55.802.460.653)	-
TỔNG CỘNG	<u>6.689.885.772</u>	<u>188.281.329.010</u>	<u>(99.969.361.873)</u>	<u>95.001.852.909</u>

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí marketing	79.632.484.200	112.340.898.877
Chi phí vận chuyển	42.892.896.866	11.848.368.166
Chiết khấu thương mại	37.471.852.680	24.520.244.981
Lương tháng 13 và thưởng	31.694.045.376	29.242.484.517
Chi phí thưởng nhân viên bán hàng	17.868.345.688	14.560.559.717
Lãi vay	7.493.523.566	37.363.071.976
Chi phí khác	10.818.494.080	1.873.369.001
TỔNG CỘNG	<u>227.871.642.456</u>	<u>231.748.997.234</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thư tín dụng trả chậm (*)	341.970.096.573	-
Lương thưởng cho Ban Tổng Giám đốc	59.600.000.000	47.680.000.000
Phải trả cổ tức	4.451.057.230	4.519.026.980
Các khoản phải trả khác	6.667.894.228	6.500.496.597
TỔNG CỘNG	412.689.048.031	58.699.523.577
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả bên liên quan (TM số 30)</i>	<i>67.990.036.906</i>	<i>57.178.351.441</i>
<i>Phải trả bên khác</i>	<i>344.699.011.125</i>	<i>1.521.172.136</i>

(*) Công ty có các khoản vay thư tín dụng trả chậm từ ngân hàng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Chi tiết được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Ngày đáo hạn	Lãi suất
	VND		%/năm
Ngân hàng TMCP Quân đội	<u>341.970.096.573</u>	Từ ngày 29 tháng 1 năm 2026 đến ngày 10 tháng 4 năm 2026	4,8 - 5,72

19. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	54.636.429.023	41.238.473.723
Tăng trong năm	13.500.000.000	13.500.000.000
Giảm trong năm	(54.394.837)	(102.044.700)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025	<u>68.082.034.186</u>	<u>54.636.429.023</u>

20. VAY

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	2.144.217.123.446	2.142.095.548.534
Vay ngân hàng (TM số 20.1)	2.030.217.123.446	1.892.095.548.534
Vay dài hạn đến hạn trả (TM số 20.2)	114.000.000.000	-
Trái phiếu thường trong nước đến hạn trả	-	250.000.000.000
Vay dài hạn	370.500.000.000	867.452.039.985
Vay ngân hàng (TM số 20.2)	370.500.000.000	-
Trái phiếu thường trong nước	-	247.451.999.985
Vay từ bên khác	-	620.000.040.000
TỔNG CỘNG	2.514.717.123.446	3.009.547.588.519

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

Tình hình tăng giảm các khoản vay như sau:

	VND		
	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn	Tổng cộng
Số đầu năm	2.142.095.548.534	867.452.039.985	3.009.547.588.519
Tiền thu từ đi vay	8.227.590.383.761	1.134.330.000.000	9.361.920.383.761
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	-	2.548.000.015	2.548.000.015
Vay dài hạn đến hạn trả	114.000.000.000	(114.000.000.000)	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	<u>(8.339.468.808.849)</u>	<u>(1.519.830.040.000)</u>	<u>(9.859.298.848.849)</u>
Số cuối năm	<u>2.144.217.123.446</u>	<u>370.500.000.000</u>	<u>2.514.717.123.446</u>

20.1 Vay ngân hàng ngắn hạn

Công ty có các khoản vay tín chấp ngắn hạn từ các ngân hàng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Chi tiết được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	424.822.361.159	Từ ngày 23 tháng 1 năm 2026 đến ngày 6 tháng 6 năm 2026	5,0 - 6,5
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	315.333.388.313	Từ ngày 15 tháng 1 năm 2026 đến ngày 7 tháng 4 năm 2026	4,4 - 6,5
Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank	272.037.761.573	Từ ngày 23 tháng 1 năm 2026 đến 10 tháng 4 năm 2026	4,6 - 5,8
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	263.802.909.177	Từ ngày 5 tháng 3 năm 2026 đến ngày 14 tháng 4 năm 2026	4,8
Ngân hàng Thương mại Taipei Fubon	263.698.833.640	Ngày 20 tháng 5 năm 2026	5,5
Ngân hàng Thương mại Cổ phần ("TMCP") Ngoại thương Việt Nam	198.475.845.204	Từ ngày 23 tháng 3 năm 2026 đến ngày 17 tháng 4 năm 2026	5,5 - 6,3
Ngân hàng TMCP Quân đội	149.353.996.420	Từ ngày 28 tháng 2 năm 2026 đến ngày 6 tháng 3 năm 2026	5,0
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	142.692.027.960	Từ ngày 2 tháng 3 năm 2026 đến ngày 11 tháng 3 năm 2026	6,2
TỔNG CỘNG	<u>2.030.217.123.446</u>		

20.2 Vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết khoản vay dài hạn từ ngân hàng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
VIB	<u>484.500.000.000</u>	Từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 đến ngày 18 tháng 3 năm 2030	8%	18.199.534 cổ phần Hùng Vương Hợp đồng tiền gửi mở tại VIB thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Chế biến Thực phẩm Thọ Phát và 39.780.000 cổ phần Thọ Phát

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả	114.000.000.000
Vay dài hạn	370.500.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND
Năm trước							
Số đầu năm	2.898.063.160.000	3.157.496.752.530	(865.273.143.268)	51.162.916.267	16.135.952.841	1.373.287.586.279	6.630.873.224.649
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	(865.243.233.268)	865.273.143.268	-	-	-	29.910.000
Lợi nhuận thuần sau thuế trong năm	-	-	-	-	-	43.518.224.124	43.518.224.124
Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	-	(173.883.789.600)	(173.883.789.600)
Quý khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(13.500.000.000)	(13.500.000.000)
Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(11.920.000.000)	(11.920.000.000)
Số cuối năm	2.898.063.160.000	2.292.253.519.262	-	51.162.916.267	16.135.952.841	1.217.502.020.803	6.475.117.569.173
Năm nay							
Số đầu năm	2.898.063.160.000	2.292.253.519.262	-	51.162.916.267	16.135.952.841	1.217.502.020.803	6.475.117.569.173
Lợi nhuận thuần sau thuế trong năm	-	-	-	-	-	627.439.024.074	627.439.024.074
Quý khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(13.500.000.000)	(13.500.000.000)
Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(11.920.000.000)	(11.920.000.000)
Số cuối năm	2.898.063.160.000	2.292.253.519.262	-	51.162.916.267	16.135.952.841	1.819.521.044.877	7.077.136.593.247

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần		
Số đầu năm và cuối năm	<u>2.898.063.160.000</u>	<u>2.898.063.160.000</u>

21.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số cổ phiếu Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	289.806.316	289.806.316
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	289.806.316	289.806.316
Cổ phiếu quỹ	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	289.806.316	289.806.316

21.4 Cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức công bố trong năm	-	173.883.789.600
Cổ tức đã trả trong năm	67.969.750	440.951.905.530

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	10.410.828.643.879	10.038.773.483.969
Doanh thu bán hàng hóa	9.985.485.264.741	9.724.860.363.467
Doanh thu bán thành phẩm	425.343.379.138	313.913.120.502
Các khoản giảm trừ doanh thu	(194.881.521.978)	(232.556.550.980)
Chiết khấu thương mại	(169.987.007.401)	(207.941.910.506)
Hàng bán bị trả lại	(24.894.514.577)	(24.614.640.474)
DOANH THU THUẦN	<u>10.215.947.121.901</u>	<u>9.806.216.932.989</u>
Trong đó:		
Các bên liên quan	4.045.889.585.243	3.873.885.724.885
Các bên khác	6.170.057.536.658	5.932.331.208.104

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. DOANH THU (tiếp theo)

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư (TM số 4)	723.309.748.466	-
Cổ tức và lợi nhuận được chia (TM số 30)	239.519.543.959	157.024.861.200
Lãi tiền gửi	19.125.218.346	40.044.507.761
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	18.660.377.517	10.152.640.923
TỔNG CỘNG	<u>1.000.614.888.288</u>	<u>207.222.009.884</u>

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	9.170.778.906.789	8.766.186.923.914
Giá vốn của thành phẩm đã bán	271.919.465.535	199.870.906.015
Giá vốn của thành phẩm đã hủy	6.681.893.735	8.884.815.466
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	1.968.387.540
TỔNG CỘNG	<u>9.449.380.266.059</u>	<u>8.976.911.032.935</u>

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	153.191.681.578	117.708.260.785
Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư	14.925.291.191	6.021.402.782
Chi phí môi giới chuyển nhượng đầu tư	12.000.000.000	-
Chi phí đi vay	8.550.000.000	-
Phân bổ phí phát hành trái phiếu (TM số 20)	2.548.000.015	2.547.999.996
Khác	9.500.668.084	4.297.596.880
TỔNG CỘNG	<u>200.715.640.868</u>	<u>130.575.260.443</u>

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương nhân viên	391.056.543.870	390.042.312.906
Chi phí vận chuyển	94.825.501.546	89.683.228.778
Chi phí thưởng kênh bán hàng	80.884.157.950	57.007.034.520
Quảng cáo và khuyến mãi	46.288.505.173	58.375.832.218
Khác	50.603.659.632	61.537.835.484
TỔNG CỘNG	<u>663.658.368.171</u>	<u>656.646.243.906</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương nhân viên	145.442.248.314	125.369.161.818
Dịch vụ mua ngoài	31.460.903.043	34.743.936.048
Phí thuê và bảo trì	11.421.940.010	26.309.871.468
Khấu hao và hao mòn	11.387.441.388	9.854.036.403
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	3.129.556.293	1.555.334.329
Khác	3.859.402.836	6.683.076.837
TỔNG CỘNG	<u>206.701.491.884</u>	<u>204.515.416.903</u>

27. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	11.610.730.643	4.636.123.704
Thu nhập từ phí hỗ trợ bán hàng	6.833.370.891	-
Thu nhập từ cho thuê tài sản	1.119.391.197	1.363.636.364
Khác	3.657.968.555	3.272.487.340
Chi phí khác	(3.500.233.928)	(2.614.445.520)
Chi phí phạt	(2.151.478.208)	-
Khác	(1.348.755.720)	(2.614.445.520)
LỢI NHUẬN KHÁC	<u>8.110.496.715</u>	<u>2.021.678.184</u>

28. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí mua hàng hóa	9.170.778.906.789	8.766.186.923.914
Chi phí nhân viên	617.374.888.489	570.635.408.008
Chi phí nguyên vật liệu	271.919.465.535	199.870.906.015
Chi phí dịch vụ mua ngoài	172.858.993.478	193.359.687.791
Chi phí khấu hao và hao mòn (TM số 10 và 11)	31.094.641.274	28.669.572.936
Dự phòng phải thu khó đòi	3.129.556.293	-
Khác	52.583.674.256	79.350.195.080
TỔNG CỘNG	<u>10.319.740.126.114</u>	<u>9.838.072.693.744</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất 20% thu nhập chịu thuế (Năm 2024: 20%).

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

29.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	89.183.444.571	-
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	225.329.030	-
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	(12.631.057.753)	3.294.442.746
TỔNG CỘNG	76.777.715.848	3.294.442.746

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	704.216.739.922	46.812.666.870
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	140.843.347.985	9.362.533.375
<i>Điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	3.481.639.362	4.583.655.784
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	225.329.030	-
Cổ tức và lợi nhuận nhận được	(47.903.976.292)	(31.404.972.660)
Thanh lý khoản đầu tư	(5.582.363.412)	-
Điều chỉnh chi phí lãi vay không được trừ	-	6.465.292.020
Lỗi năm trước chuyển sang	(14.286.260.825)	-
Lỗi thuế trong năm chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	14.287.934.227
Chi phí thuế TNDN	76.777.715.848	3.294.442.746

29.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại, cùng với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Các khoản chi phí phải trả	37.736.814.703	33.028.688.148	4.708.126.555	(2.584.819.484)
Dự phòng các khoản đầu tư	8.417.220.360	-	8.417.220.360	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	1.228.980.089	1.453.360.389	(224.380.300)	(93.619.694)
Khác	904.165	270.813.027	(269.908.862)	(616.003.568)
TỔNG CỘNG	47.383.919.317	34.752.861.564	12.631.057.753	(3.294.442.746)

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch trọng yếu với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Vocarimex	Công ty con
Tường An	Công ty con
KNB	Công ty con
Kidofood	Công ty con
KTS	Công ty con
NDLA	Công ty con
Hùng Vương	Công ty con
Thọ Phát	Công ty con
Công ty TNHH MTV Chế Biến Thực Phẩm Thọ Phát ("Thọ Phát Food")	Công ty con gián tiếp
KDF	Công ty liên kết
Lavenue	Công ty liên kết đồng kiểm soát
Dabaco (đến ngày 30 tháng 6 năm 2025)	Công ty liên kết đồng kiểm soát
Công ty Cổ phần Địa ốc Kido ("KDL")	Đồng sở hữu bởi các cổ đông chủ chốt
Công ty TNHH Đầu tư Kido ("KDI")	Đồng quản lý chủ chốt
Bắc Bình (từ ngày 31 tháng 7 năm 2025)	Công ty liên kết
Ông Trần Kim Thành	Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT")
Ông Trần Lệ Nguyên	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Bà Vương Bửu Linh	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Bà Vương Ngọc Xiêm	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Nguyên	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thuận (đến ngày 5 tháng 6 năm 2025)	Thành viên độc lập HĐQT
Ông Nguyễn Gia Huy Chương (đến ngày 5 tháng 6 năm 2025)	Thành viên độc lập HĐQT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch trọng yếu với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Ông Nguyễn Đức Trí (<i>đến ngày 5 tháng 6 năm 2025</i>)	Thành viên độc lập HĐQT
Ông Nguyễn Quốc Bảo (<i>từ ngày 5 tháng 6 năm 2025</i>)	Thành viên độc lập HĐQT
Ông Lê Cao Thuận (<i>từ ngày 5 tháng 6 năm 2025</i>)	Thành viên độc lập HĐQT
Bà Nguyễn Thị Ngọc Chi	Trưởng Ban Kiểm soát ("BKS")
Ông Lương Quang Hiền	Thành viên BKS
Bà Lương Mỹ Duyên	Thành viên BKS
Ông Wang Ching Hua	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Xuân Trâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Tiến Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mã Thanh Danh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Công Hạo	Phó Tổng Giám đốc

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
			<i>VND</i>
Trường An	Mua hàng hóa và nguyên vật liệu	4.999.281.249.879	4.933.283.072.198
	Bán hàng hóa	3.185.573.057.791	3.189.323.886.531
	Cổ tức được chia	29.428.981.200	29.428.981.200
	Chiết khấu mua hàng	5.183.757.936	3.384.147.292
	Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	1.886.178.769	1.262.390.358
	Doanh thu cho thuê văn phòng	1.766.178.769	1.315.991.884
	Mua dịch vụ	160.800.000	-
KNB	Bán hàng hóa	762.965.064.407	622.573.457.195
	Hỗ trợ dịch vụ công nghệ thông tin	896.184.335	530.374.902
Vocarimex	Cổ tức được chia	106.329.900.000	127.595.880.000
	Bán hàng hóa	10.168.755.126	111.885.649
	Doanh thu cho thuê văn phòng	321.047.053	370.220.969
	Mua dịch vụ	304.784.000	326.680.000
Thọ Phát	Lợi nhuận được chia	81.600.000.000	-
	Bán hàng hóa	9.432.059.426	20.334.708.005
	Cung cấp dịch vụ	2.502.341.767	1.946.854.153
	Doanh thu cho thuê văn phòng	1.800.000.000	2.638.875.445
	Mua nguyên vật liệu	122.614.725	444.917.907
KDF	Bán hàng hóa	77.750.648.493	41.525.849.534
	Doanh thu cho thuê văn phòng	145.783.216	5.595.460.012
	Mua hàng hóa	-	15.450.000
Hùng Vương	Cổ tức được chia	22.160.662.759	-
KDI	Doanh thu cho thuê văn phòng	1.545.454.545	1.363.636.364
	Bán hàng hóa	-	15.937.971

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
			<i>VND</i>
<i>Phải thu khách hàng ngắn hạn</i>			
KNB	Bán hàng hóa	242.918.753.215	190.022.413.374
Tường An	Bán hàng hóa	127.130.321.016	288.450.534.321
KIDOFOOD	Bán hàng hóa	84.352.194.066	84.352.194.066
Vocarimex	Bán hàng hóa	11.244.992.275	327.754.267
KDF	Bán hàng hóa	8.047.013.737	7.424.418.550
Thọ Phát Food	Bán hàng hóa	3.098.883.405	3.348.066.642
KDI	Bán thành phẩm	-	719.988
		476.792.157.714	573.926.101.208
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>			
Thọ Phát	Phí thuê văn phòng	165.000.000	753.980.530
KNB	Dịch vụ	27.500.000	-
KDI	Thu chi hộ	-	4.775.289.018
KDL	Phí thuê văn phòng	-	900.000.000
Tường An	Dịch vụ	-	110.000.000
		192.500.000	6.539.269.548
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>			
Tường An	Mua hàng hóa	(414.953.167.581)	(485.067.026.667)
KDF	Mua hàng hóa	(330.136.705)	(349.853.496)
Vocarimex	Mua hàng hóa	(72.684.000)	(95.958.000)
Thọ Phát Food	Mua hàng hóa	(2.831.998)	-
		(415.358.820.284)	(485.512.838.163)
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>			
Tường An	Bán hàng hóa	-	(360.000.000.000)
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>			
Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	Thù lao	(59.600.000.000)	(47.680.000.000)
Cổ đông	Cổ tức phải trả	(4.451.057.230)	(4.519.026.980)
KDF	Chi hộ	(3.938.979.676)	(3.938.979.676)
Tường An	Chiết khấu thanh toán	-	(1.040.344.785)
		(67.990.036.906)	(57.178.351.441)
<i>Phải trả dài hạn khác</i>			
Tường An	Nhận ký quỹ	-	(1.674.414.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tiền lương và thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám Đốc:

VND			
Tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Trần Lệ Nguyên	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	7.966.330.000	8.125.420.000

31. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VND			
	Số cuối năm	Số đầu năm	
Dưới 1 năm	19.656.163.891	1.751.736.394	
Từ 1 đến 5 năm	7.006.945.576	7.006.945.576	
Trên 5 năm	1.463.779.726	3.215.516.120	
TỔNG CỘNG	28.126.889.193	11.974.198.090	

Cam kết góp vốn

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có cam kết góp vốn vào một số công ty như sau:

VND			
	Số tiền cam kết sẽ góp	Số tiền đã thực góp	Số tiền còn phải góp
KLA	250.000.000.000	241.400.000.000	8.600.000.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm gia vị Ta	200.000.000.000	-	200.000.000.000
Công ty TNHH Quốc tế Kiến Hưng	100.000.000.000	-	100.000.000.000
KIDOFood	100.000.000.000	30.000.000.000	70.000.000.000
KTS	50.000.000.000	9.000.000.000	41.000.000.000
TỔNG CỘNG	700.000.000.000	280.400.000.000	419.600.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo Nghị quyết Đại hội Đồng Cổ đông bất thường ngày 6 tháng 3 năm 2026, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua phương án mua lại cổ phiếu của Công ty để giảm vốn điều lệ, với tổng số cổ phiếu mua lại tối đa là 14.490.316 cổ phiếu và chiếm khoảng 5,0% tổng số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026



Trần Minh Nguyệt
Người lập



Nguyễn Thị Oanh
Kế toán trưởng



Trần Lê Nguyên
Tổng Giám đốc

